

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2018/KDTM-PT
Ngày: 28 /9/2018
V/v: tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Tuyết Băng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Huệ -Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thành Vân – Kiểm sát viên

Ngày 28/9/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 67/2018/TLPT-KDTM ngày 12/7/2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2018/KDTM-ST ngày 07/2/2018 của Tòa án nhân dân huyện G bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 350/2018/QĐ-PT ngày 09/8/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 369/2018/QĐ-PT ngày 31/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S

Trụ sở: Số 77 T, Quận H, Hà Nội; Do ông Nguyễn Văn L- Tổng Giám đốc, đại diện theo pháp luật.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn:

Công ty TNHH Một thành viên Q

Trụ sở: Số 22 V, Quận H, Hà Nội

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đăng Q, Ông Bùi Khắc C – Cán bộ Ngân hàng S.

(Có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn A.

Trụ sở: Thôn T, xã Đ, huyện G , Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Tô Tùng L – Giám đốc Công ty.

(Xin vắng mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Trung H – Sinh năm 1985
2. Bà Đinh Thị Hương Q - Sinh năm 1985
3. Cháu Phạm Tùng L1 – Sinh năm 2010
4. Cháu Phạm Tùng D – Sinh năm 2012
5. Cháu Phạm Đăng V – Sinh năm 2016

Cùng trú tại: Số 5 ngách 42/133 đường TL, quận M, TP Hà Nội
(Cháu L1, Cháu D, Cháu V do ông H, bà Q là người đại diện theo pháp luật).

(Ông H có mặt, Bà Q vắng mặt tại phiên tòa).

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phạm Trung H : Ông Trần Tuấn A – Luật sư thuộc Công ty Luật hợp danh M- Đoàn luật sư Hà Nội. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/4/2014, của Ngân hàng TMCP S (người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng Công ty TNHH một thành viên Q) và các lời khai tại Tòa của ông Nguyễn Đăng Q, ông Bùi Khắc C là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 11/11/2011, Ngân hàng TMCP S và Công ty TNHH A ký hợp đồng tín dụng số 249/2011/ HĐHM-PN/SHBPGDTL, theo đó, Ngân hàng thương mại cổ phần S cho Công ty TNHH A vay số tiền là 10.000.000.000 đồng (Bao gồm toàn bộ dư nợ thuộc Hợp đồng hạn mức số 133/2011/HĐHMPN/SHB.TL ngày 5/8/2011 và Phụ lục hợp đồng hạn mức số 01/PLHĐHM ngày 31/10/2011); Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh khí hóa lỏng; Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ. Lãi suất quá hạn bằng 150 lãi suất trong hạn. Lãi suất phạt bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Ngoài ra, hợp đồng tín dụng còn quy định về chuyển nợ quá hạn và một số thỏa thuận liên quan khác.

Ngày 02/7/2012 hai bên ký phụ lục Hợp đồng tín dụng điều chỉnh quy định về thời hạn cho vay tại các khế ước nhận nợ và gia hạn các khế ước nhận nợ.

Nguyên đơn đã giải ngân cho Công ty TNHH A số tiền 10.000.000.000 đồng theo 09 khế ước nhận nợ ngày 9/01/2012, ngày 12/01/2012, ngày 13/1/2012, ngày 21/3/2012, ngày 7/4/2012, ngày 17/4/2012, ngày 18/5/2012, ngày 19/5/2012 đã được Công ty TNHH A xác nhận.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay của Công ty TNHH A là 04 bất động sản, cụ thể như sau:

1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số D4-07, tại địa chỉ: xóm C, xã T, huyện H, TP Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 526725, vào sổ cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3610/2010/QĐUB/CH00502 do UBND huyện H cấp ngày 17/11/2010 mang tên Ông Nguyễn Văn N và bà Âu Thị H. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 120494/ quyền số 05/HĐTC ký ngày 19/03/2012. Đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất (80.5m²) và tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký đất và nhà huyện H , TP Hà Nội. Nghĩa vụ bảo đảm tối đa 4.200.000.000 đồng, bảo đảm nghĩa vụ trong thời hạn tối đa 84 tháng.

2.Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 288, tờ bản đồ số 12 tại Thôn Đ, tại xã N, huyện C, TP Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 515145 , vào sổ cấp GCN: 00348 do ủy ban nhân dân huyện C , TP Hà Nội cấp ngày 12/05/2011, đăng ký sang tên cho ông Tô Tùng L ngày 18/07/2011 theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 14/07/2011 mang tên Ông Tô Tùng L và bà Hồ Thị H. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 112138 quyền số 22/HĐTC ký ngày 04/08/2011. Đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất (300m²) và tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký đất và nhà huyện C , TP Hà Nội. Nghĩa vụ bảo đảm tối đa là 1.500.000.000 đồng, bảo đảm nghĩa vụ trong thời hạn tối đa 84 tháng.

3.Quyền sử dụng thửa đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 289, tờ bản đồ số 12 tại Thôn Đ, xã N, huyện C , TP Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 515146, vào sổ cấp GCN: 00346 do ủy ban nhân dân huyện C , TP Hà Nội cấp ngày 12/05/2011, đăng ký sang tên cho ông Tô Tùng L ngày 10/08/2011 theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 09/08/2011 mang Ông Tô Tùng L và bà Hồ Thị H. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 112186/ quyền số 22/HĐTC ký ngày 11/08/2011.Đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất (300m²) và tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký đất và nhà huyện C , TP Hà Nội. Nghĩa vụ bảo đảm tối đa là 1.500.000.000 đồng và bảo đảm nghĩa vụ trong thời hạn tối đa 84 tháng.

4.Quyền sử dụng đất tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 09 (8), tờ bản đồ số 41 tại Tổ 20, TL , quận M , Thành Phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 525159, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01961-2366/QĐ-UB do Ủy Ban nhân dân quận M , TP. Hà Nội cấp ngày 30/12/2005, đăng ký sang tên cho Ông Phạm Trung H ngày 27/07/2009 theo hợp đồng chuyển nhượng số 550/2009/CNQSDĐ lập tại văn phòng công chứng NT – TP Hà Nội ngày 17/07/2009 mang tên Ông Phạm Trung H và bà Đinh Thị Hương Q . Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 112938, quyền số 30/HĐTC ký ngày 28/10/2011 và tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký đất và nhà quận M , Thành Phố Hà Nội. Nghĩa vụ bảo đảm tối đa là 4.000.000.000 đồng trong thời hạn tối đa 84 tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Công ty TNHH A mới thanh toán trả được một phần lãi trong hạn cho Ngân hàng và không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi tiếp theo kể từ ngày 05/6/2012.

Ngày 08/07/2014, Ngân hàng TMCP S và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q đã ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 732/2014, theo đó toàn bộ khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 249/2011 được bán lại cho CÔNG TY Q .

Ngày 5.4.2016, ông Tô Tùng L và bà Hồ Thị H đã bàn giao tài sản sử dụng thế chấp bảo lãnh cho Công ty TNHH A cho Ngân hàng TMCP S

Ngày 23.4.2016, Công ty TNHH A đã hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ tài chính được đảm bảo bởi tài sản do ông N, bà H thế chấp nên Ngân hàng đã có thông báo giải chấp đối với tài sản thuộc quyền sử dụng của Ông Nguyễn Văn N và bà Âu Thị H.

Vì vậy, ngày 30/6/2016 và ngày 08/3/2017, CÔNG TY Q đã có văn bản xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền nợ gốc và xử lý tài sản thế chấp cụ thể : CÔNG TY Q chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền nợ gốc là 6.060.000.000 đồng và không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại ba thửa đất : Thửa đất số D4-07, tại địa chỉ xóm C, xã T, huyện H , TP Hà Nội đứng tên ông Nguyễn Văn N và bà Âu Thị H; Thửa đất số 288, tờ bản đồ số 12 tại Thôn Đ, xã N, huyện C ,Thành phố Hà Nội đứng tên ông Nguyễn kim C đã đăng ký sang tên chuyển nhượng cho ông Tô Tùng L ngày 18/7/2011; Thửa đất số 289, tờ bản đồ số 12, tại địa chỉ thôn Đ xã N, huyện C , Thành phố Hà Nội đứng tên bà Trần Thị Hà P đã đăng ký sang tên chuyển nhượng cho ông Tô Tùng L ngày 10/8/201.

Nay CÔNG TY Q đề nghị Tòa án buộc bị đơn thanh toán cho CÔNG TY Q số tiền tạm tính đến ngày 06/2/2018 là: **17.582.234.633 đồng**, trong đó:

Nợ gốc: 6.060.000.000 đồng

Nợ lãi trong hạn: 3.433.361.525 đồng

Nợ lãi quá hạn: 8.088.873.108 đồng

Trường hợp Công ty TNHH A không trả nợ cho CÔNG TY Q , thì CÔNG TY Q có quyền đề nghị cơ quan thi hành án kê biên phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 09 (8), tờ bản đồ số 41 tại Tổ 20, TL , quận M , Thành Phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 525159 đứng tên bà Hoàng Thu H đăng ký sang tên cho Ông Phạm Trung H ngày 27/07/2009 để đảm bảo thi hành án thu hồi nợ cho CÔNG TY Q theo đúng qui định của pháp luật.

Bị đơn là Công ty TNHH A do ông Tô Tùng L đại diện theo pháp luật trình bày:

Bị đơn xác nhận việc ký kết Hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng tín dụng như CÔNG TY Q đã trình bày là đúng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã trả cho Ngân hàng số tiền lãi là 530.216.345 đồng và 4.358.788 đồng tiền phí phạt.

Tính đến ngày 4/3/2014, Công ty còn nợ 10.000.000.000 đồng tiền gốc; Nợ lãi quá hạn: 3.326.931.195 đồng. Phí phạt chậm trả là 56.427.214 đồng.

Công ty xác nhận số tiền nợ gốc, tiền nợ lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn do CÔNG TY Q đưa ra là đúng và không có tranh chấp gì. Công ty đề nghị CÔNG TY Q cho Công ty được thanh toán dần số tiền nợ gốc và nợ phát sinh cho đến khi thanh toán hết.

Trường hợp Công ty không thanh toán được cho CÔNG TY Q, thì CÔNG TY Q có quyền đề nghị cơ quan thi hành án phát mại các tài sản còn lại để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Nếu số tiền thu được sau khi phát mại tài sản không đủ thanh toán hết các khoản nợ cho CÔNG TY Q thì Công ty An Thịnh Đức vẫn có nghĩa vụ trả tiếp cho đến khi trả hết.

Về việc bị đơn cho ông N, bà H, ông H, bà Q vay tiền, bị đơn không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Nếu có, bị đơn sẽ yêu cầu khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Tô Tùng L và bà Hồ Thị H thống nhất trình bày: Ông, bà xác nhận có ký hợp đồng thế chấp tài sản là bất động sản như Ngân hàng trình bày để đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH A Tuy nhiên do làm ăn khó khăn, phía bị đơn mất khả năng thanh toán nợ nên ông, bà đã bàn giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng, nay ông bà không có yêu cầu gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ông Phạm Trung H và Bà Đinh Thị Hương Q thống nhất trình bày: Vợ chồng ông, bà có kí kết Hợp đồng thế chấp tài sản là nhà đất tại tổ 20 Phường T, quận H, Hà Nội để đảm bảo cho Công ty TNHH A vay tiền của Ngân hàng.

Tài sản thế chấp hiện nay gia đình ông bà và các con là Cháu Phạm Tùng L1, cháu Phạm Tùng D, cháu Phạm Đăng V đang sinh sống, quản lý và sử dụng, ngoài ra không có ai khác. Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến nay ông bà có tiến hành sửa chữa phía sau, phía trước nhà và sơn lại. Ông, bà mong muốn được thanh toán trả cho CÔNG TY Q số tiền là 2.000.000.000 đồng để CÔNG TY Q giải chấp cho ông bà được rút tài sản thế chấp của ông bà về để ổn định cuộc sống. Trường hợp CÔNG TY Q không đồng ý, ông bà đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2018/KDTM-ST ngày 07/2/2018 của Tòa án nhân dân huyện G đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty Q về việc yêu cầu Công ty TNHH A trả số tiền nợ gồm gốc chưa trả, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

2. Chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Q về khoản tiền nợ do Công ty TNHH A đã thanh toán trả một phần nợ.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty TNHH MTV quản lý các tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam về phạm vi bảo đảm của tài sản thế chấp.

4. Buộc Công ty TNHH A phải trả cho Công ty TNHH Q số tiền cụ thể:

-Nợ gốc: 6.060.000.000 đồng (1)

-Tiền lãi trong hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm 6/2/2018 :

+Tiền lãi phải trả tính đến ngày 23/4/2016

Tiền lãi trong hạn: 3.433.361.525 đồng (2)
Tiền lãi quá hạn: 5.158.602.481 đồng (3)
+ Tiền lãi tính từ ngày 23/4/2016 đến ngày 29/8/2017
Tiền lãi quá hạn: 2.273.554.255 đồng (4)
Tiền lãi tính từ ngày 29/8/2017 đến ngày 6/2/2017
Tiền lãi quá hạn: 547.470.628 đồng (5)
Tổng cộng (1) + (2) + (3) + (4) + (5) = **17.499.988.889** đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 6.2.2018) Công ty TNHH A còn phải trả thêm một khoản tiền được tính theo mức lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán. Lấy mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng làm cơ sở xác định mức lãi suất quá hạn. Thời gian phải thanh toán khoản tiền này được tính cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc chưa thanh toán. Trường hợp đã có thỏa thuận về điều chỉnh mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng thì mức lãi suất sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 09/2/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ông Phạm Trung H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bên đương sự không thống nhất được việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho Ông Phạm Trung H vắng mặt tại phiên tòa và gửi bản luận cứ đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố hợp đồng thế chấp tài sản số 112938, quyền số 30/HĐTD chấm dứt hiệu lực theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 133/2011/HĐHM-PN/SHB. TL/PL01 giữa Ngân Hàng S và Công ty TNHH A đã hết hiệu lực pháp lý; Yêu cầu Ngân Hàng S phải tiến hành thủ tục giải chấp đối với quyền sử dụng đất của Ông Phạm Trung H tại thửa đất số 09 (8), tờ bản đồ số 41, địa chỉ: Tổ 20, TL, quận M, Hà Nội và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Trung H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phúc thẩm sau khi tóm tắt nội dung vụ án và phân tích nội dung vụ án trình bày quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án theo trình tự luật định, các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là đòi tài sản là không đúng vì tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn trong vụ án này liên quan đến Hợp đồng tín dụng và phát sinh trong quan hệ kinh

doanh thương mại giữa các công ty đều có mục đích lợi nhuận, nên quan hệ pháp luật phải xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng; Cấp sơ thẩm còn xác định Ngân hàng thương mại cổ phần S là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không đúng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử, xử Sửa án sơ thẩm về quan hệ pháp luật và người tham gia tố tụng; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H ; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty TNHH A phải thanh toán trả cho Công ty Q số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 249/2011/HMHHM-PN/SBBPGDTL ngày 11/11/2011 tính đến ngày 06/2/2018 là: **17.582.234.633 đồng**, trong đó: Nợ gốc: 6.060.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 3.433.361.525 đồng; Nợ lãi quá hạn: 8.088.873.108 đồng; Trường hợp Công ty TNHH A không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Công ty Q có quyền đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là Quyền sử dụng đất của thửa đất số 09 (8), tờ bản đồ số 41 tại Tổ 20, TL, quận M, Thành Phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 525159, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01961-2366/QĐ-UB do Ủy Ban nhân dân quận M, TP. Hà Nội cấp ngày 30/12/2005, đăng ký sang tên cho Ông Phạm Trung H ngày 27/07/2009 theo hợp đồng chuyển nhượng số 550/2009/CNQSDĐ lập tại văn phòng công chứng NT – TP Hà Nội ngày 17/07/2009; Kể từ ngày 7/02/2018 Công ty TNHH A còn phải tiếp tục thanh toán lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc trên cho Công ty Q

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan làm trong thời hạn luật định, người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên việc kháng cáo là hợp lệ. Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn là Công ty TNHH A do ông Tô Tùng L đại diện theo pháp luật; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đinh Thị Hương Q ; Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của ông Phạm Trung H : ông Trần TA. Nhưng ông Tô Tùng L, bà Đinh Thị Hương Q, ông Trần TA đều vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 2 điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng

dân sự 2015 Tòa án vẫn tiến hành giải quyết và xét xử vắng mặt Công ty TNHH A do ông Tô Tùng L đại diện theo pháp luật; Bà Đinh Thị Hương Q và ông Trần TA người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của ông H .

Về quan hệ tranh chấp: Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2018/KDTM-ST ngày 07/2/2018 của Tòa án nhân dân huyện G xác định **quan hệ pháp luật đối với vụ án này là tranh chấp là “Đòi tài sản”, về việc này, Hội đồng xét xử thấy: Các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện ngày 11/11/2011 Ngân hàng TMCP S và Công ty TNHH A đã ký Hợp đồng tín dụng số 249/2011/HĐHM-PN/SHBPGDTL. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty TNHH A không thanh toán trả nợ được cho Ngân hàng TMCP S, nên Ngân hàng đã khởi kiện Công ty TNHH A ra Tòa . Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn trong vụ án này liên quan đến các nội dung trong hợp đồng tín dụng. Vì vậy đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận. Căn cứ khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án này là tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Đòi tài sản” là không phù hợp quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.**

Tòa án cấp sơ thẩm xác định Ngân hàng TMCP S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không đúng. Theo quy định tại khoản 4 điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự thì : “Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án dân sự là người tuy không bị khởi kiện, không bị kiện, nhưng việc giải quyết vụ án dân sự có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của họ ...”. Trong vụ án này, Ngân hàng TMCP S đã bán toàn bộ khoản nợ cho Công ty TNHH một thành viên Q, do đó toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng TMCP S đã được chuyển giao cho Công ty TNHH một thành viên Q. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2].Về nội dung:

2.1. Xét yêu cầu kháng cáo của Ông Phạm Trung H Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng tín dụng số 249/2011/ HĐHM-PN/SHBPGDT ngày 11/11/2011 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Svà Công ty TNHH A được hai bên xác nhận là hợp đồng hợp pháp, nên có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Quá trình giải quyết vụ án tại tòa án bị đơn thừa nhận toàn bộ nợ gốc và nợ lãi như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn phải thanh toán trả toàn bộ nợ gốc, nợ

lãi theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với Điều 91 Luật tổ chức tín dụng.

Tính đến ngày 06/2/2018, Công ty TNHH A còn nợ Công ty TNHH một thành viên Q cụ thể là: **17.582.234.633 đồng**, trong đó:

-Nợ gốc: 6.060.000.000 đồng

- Nợ lãi trong hạn: 3.433.361.525 đồng

- Nợ lãi quá hạn: 8.088.873.108 đồng

Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty TNHH A phải thanh toán trả toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi trên cho Công ty TNHH một thành viên Q là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là:

1.Quyền sử dụng đất tại thửa đất số D4-07, tại địa chỉ: xóm C, xã T, huyện H , TP Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 526725, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3610/2010/QĐUB/CH00502 do UBND huyện H cấp ngày 17/11/2010 mang tên Ông Nguyễn Văn N và bà Âu Thị H.

2.Quyền sử dụng đất mang số thửa 288, tờ bản đồ số 12 tại Thôn Đ, tại xã N, huyện C, TP Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 515145 , vào sổ cấp GCN: 00348 do Ủy ban nhân dân huyện C , TP Hà Nội cấp ngày 12/05/2011, đăng ký sang tên cho ông Tô Tùng L ngày 18/07/2011 theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 14/07/2011 mang tên Ông Tô Tùng L và bà Hồ Thị H.

3.Quyền sử dụng thửa đất số 289, tờ bản đồ số 12 tại Thôn Đ, xã N, huyện C , TP Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 515146, vào sổ cấp GCN: 00346 do Ủy ban nhân dân huyện C , TP Hà Nội cấp ngày 12/05/2011, đăng ký sang tên cho ông Tô Tùng L ngày 10/08/2011 theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 09/08/2011 mang Ông Tô Tùng L và bà Hồ Thị H.

4. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 09 (8), tờ bản đồ số 4 tờ 20, phường TL , quận M , Thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD525159 do UBND quận M cấp ngày 30/12/2005 cho bà Hoàng Thị H, đã sang tên toàn bộ cho Ông Phạm Trung H ngày 27/07/2009, để đảm bảo cho khoản vay của Công ty A .

Ông Phạm Trung H kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên Nguyên đơn được quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là nhà đất mang tên ông là chưa đảm bảo quyền lợi của gia đình ông. Tuy nhiên, tại bản trình bày ý kiến ngày 09/6/2014 và quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm Ông H lại cho rằng hợp đồng thế chấp nêu trên chỉ đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng hạn mức số 133/2011 do Nguyên đơn và bị đơn ký ngày 05/8/2011 và phụ lục hợp đồng số 133 ngày 01/11/2011. Hợp đồng số 1332011/HĐHM-PN/SHB.TL ngày

05/8/2011 và phụ lục hợp đồng này đã hết hiệu lực khi nguyên đơn và bị đơn ký hợp đồng tín dụng số 249/2011/2011/ HĐHM-PN/SHBPGDTL ngày 11/11/2011 nên ông, bà không có trách nhiệm phải bảo đảm cho khoản vay của Công ty A theo hợp đồng tín dụng số 249/2011/ HĐHM-PN/SHBPGDTL ngày 11/11/2011.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại điểm 2.1 Điều 2 của Hợp đồng thế chấp tài sản số 112938/2011 quyền số 30/HĐTC ngày 28/10/2011 thể hiện: “ Bên B thế chấp tài sản nêu trên để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn của bên C với số tiền tối đa 4.000.000.000 đồng trong thời gian 84 tháng kể từ ngày ký bản hợp đồng này...”.

Mặt khác, tại khoản 1.1 Điều 1 hợp đồng tín dụng số 249/2011/ HĐHM-PN/SHBPGDTL ngày 11/11/2011 được ký kết giữa Nguyên đơn và bị đơn thể hiện: Giá trị hạn mức tín dụng là 10.000.000.000 đồng. “...Hạn mức tín dụng này bao gồm toàn bộ dư nợ thuộc hợp đồng hạn mức tín dụng số 133/2011/HĐHM-PN/SHB.TL ngày 05/8/2011 và phụ lục hợp đồng hạn mức số 01/PLHĐHM ngày 31/10/2011”; Tại Điều 3 hợp đồng này thể hiện: “Chi tiết về việc bảo đảm được quy định cụ thể trong Hợp đồng thế chấp tài sản số 112938/2011, quyền số 30/HĐTC ký ngày 28/10/2011...(là một bộ phận kèm theo và không tách rời của hợp đồng này”. Cuối hợp đồng, ông H , bà Q đã xác nhận toàn bộ nội dung hợp đồng. Như vậy, đủ cơ sở để khẳng định ông H , bà Q biết hạn mức tín dụng của hợp đồng tín dụng số 249/2011/ HĐHM-PN/SHBPGDTL ngày 11/11/2011 bao gồm toàn bộ dư nợ thuộc hợp đồng tín dụng số 133/2011/HĐHM-PN/SHB.TL ngày 05/8/2011 nên việc ông, bà cho rằng ông bà không có trách nhiệm bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH A theo hợp đồng tín dụng số 249/2011/ HĐHM-PN/SHBPGDTL ngày 11/11/2011 là không có căn cứ. Hơn nữa tại phiên tòa hôm nay, Ông Phạm Trung H không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh và không đưa ra được quan điểm chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là đúng, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Trung H .

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác nhận khi ký kết hợp đồng thế chấp các bên đã tiến hành thủ tục công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử, trong trường hợp bị đơn không thanh toán được khoản nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản là nhà đất thuộc quyền sở hữu của vợ chồng bà tại Tổ 20 phường TL , quận M , Hà Nội (nay là Số 5 ngách 42/133 phố TL , phường TL , Q. M , Hà Nội) là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật, nên không có căn cứ chấp nhận

kháng cáo của ông Phạm Trung H , nên nguyên đơn tiếp tục được quản lý hồ sơ tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Tòa án xử lý đối với ba tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại các thửa đất sau: Thửa đất số D4-07, tại địa chỉ: xóm C, xã T, huyện H , TP Hà Nội; Thửa 288, tờ bản đồ số 12 tại Thôn Đ, tại xã N, huyện C, TP Hà Nội; Thửa đất số 289, tờ bản đồ số 12 tại Thôn Đ, xã N , huyện C , TP Hà Nội. Nhưng cấp sơ thẩm không tuyên đình chỉ đối với yêu cầu này của nguyên đơn, là không phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, cần phải sửa án sơ thẩm về phần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp; Người tham gia tố tụng và cách tuyên.

Đề nghị của Luật sư không phù hợp với các chứng cứ và nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên Ông Phạm Trung H không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 30, 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 314 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 302,305,342,342,344,351,471,476,478,715,721 Bộ luật dân sự năm 2005.

Áp dụng Điều 91 và Điều 98 Luật tổ chức tín dụng.

Căn cứ Nghị Quyết số 326/ NQ – QH ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí.

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2018/KDTM-ST ngày 07/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện G , Thành phố Hà Nội

Xử:

1-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S (người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng Công ty TNHH một thành viên Q) đối với Công ty TNHH A .

2- Buộc Công ty TNHH A phải thanh toán cho Công ty TNHH một thành viên Q khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 249/2011/HMHHM-PN/SHBPGDTL ngày 11/11/2011 tính đến ngày 06/2/2018 là: **17.582.234.633 đồng, trong đó:**

- Nợ gốc: 6.060.000.000 đồng
- Nợ lãi trong hạn là: 3.433.361.525 đồng

- Nợ lãi quá hạn là: 8.088.873.108 đồng

Công ty TNHH A còn phải tiếp tục trả nợ lãi trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 07/2/2018 cho đến khi trả xong nợ gốc trên cho Công ty TNHH một thành viên Q.

3- Trường hợp Công ty TNHH A không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Công ty TNHH một thành viên Q có quyền đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là Quyền sử dụng đất của thửa đất số 09 (8), tờ bản đồ số 41 tại Tờ 20, TL (Nay là số 5 ngách 42/133 Phố TL), phường TL quận M , Thành Phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 525159, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01961-2366/QĐ-UB do Ủy Ban nhân dân quận M , Thành phố Hà Nội cấp ngày 30/12/2005, đăng ký sang tên cho Ông Phạm Trung H ngày 27/07/2009 theo hợp đồng chuyển nhượng số 550/2009/CNQSDĐ lập tại văn phòng công chứng NT – TP Hà Nội ngày 17/07/2009. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 112938, quyền số 30/HĐTC ký ngày 28/10/2011 và tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký đất và nhà quận M , Thành Phố Hà Nội với phạm vi bảo đảm tối đa là 4.000.000.000 đồng. Trường hợp phát mại nếu số tiền thu về lớn hơn 4.000.000.000 đồng thì số tiền vượt quá 4.000.000.000 đồng được trả lại cho Ông Phạm Trung H và bà Đinh Thị Hương Q . Nếu số tiền phát mại thu về nhỏ hơn 4.000.000.000 đồng thì Công ty TNHH A phải có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng.

4- Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc đề nghị phát mại tài sản thế chấp là :

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số D4-07, tại địa chỉ: xóm C, xã T, huyện H , TP Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 526725, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3610/2010/QĐUB/CH00502 do UBND huyện H cấp ngày 17/11/2010 mang tên Ông Nguyễn Văn N và bà Âu Thị H. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 120494/ quyền số 05/HĐTC ký ngày 19/03/2012.

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 288, tờ bản đồ số 12 tại Thôn Đ, tại xã N, huyện C, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 515145 , vào sổ cấp GCN: 00348 do Ủy ban nhân dân huyện C , TP Hà Nội cấp ngày 12/05/2011, đăng ký sang tên cho ông Tô Tùng L ngày 18/07/2011 theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 14/07/2011 mang tên Ông Tô Tùng L và bà Hồ Thị H. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 112138 quyền số 22/HĐTC ký ngày 04/08/2011.

- Quyền sử dụng thửa đất số 289, tờ bản đồ số 12 tại Thôn Đ, xã N , huyện C , Thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 515146, vào sổ cấp GCN: 00346 do Ủy ban nhân dân huyện C , TP Hà Nội cấp ngày 12/05/2011, đăng ký sang tên cho ông Tô Tùng L ngày 10/08/2011 theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 09/08/2011 mang Ông Tô Tùng L và bà Hồ Thị H.

5. VỒ ,n phÝ:

- Án phí sơ thẩm: Công ty TNHH A phải chịu 125.499.988 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH một thành viên Q số tiền tạm ứng án phí là 98.750.000 đồng (Chín mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) do Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001427 ngày 13/5/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G .

- Án phí phúc thẩm: Ông Phạm Trung H không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho Ông Phạm Trung H 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, Ông H đã nộp theo các biên lai số: 0003581 ngày 09/4/2018 và số 0003740 ngày 22/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G , Thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6- Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS H. G
- Tòa án ND H. G
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Tuyết Băng

